TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS–ST
Ngày: 28 - 7 -2025
V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thà;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thái An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST–DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST–DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, vắng mặt;

Cư trú tại: Số D, tổ A, ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1978; vắng mặt

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970; vắng mặt

Cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 28/6/2022, vợ chồng ông Đ, bà L1 có vay của bà số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, mục đích vay để ông Đ, bà L1 làm vốn mua bán cá, thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết. Việc vay có lập thành "Giấy tay mượn nợ tiền" do ông Đ viết và vợ chồng ông Đ, bà L1 ký tên, lăn tay xác nhận. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông Đ trả cho bà nhiều lần được số

tiền gốc 50.000.000 đồng, khi trả tiền bà có viết biên nhận cho vợ chồng ông Đ cất giữ. Tổng cộng vợ chồng ông Đ còn nợ bà số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi.

Nay bà yêu cầu ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 hoàn trả cho bà số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi mức lãi suất 1%.tháng kể từ ngày vay 28/6/2022 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 nhưng ông Đ, bà L1 cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn – ông Đ, bà L1: vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 hoàn trả số tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử 28/7/2025; bị đơn ông Đ, bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ, bà L1.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 hoàn trả số tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi, xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L cung cấp giấy nợ thể hiện ông Đ, bà L1 lăn tay ký tên xác nhận việc vay tiền, có thỏa thuận

lãi suất và thời hạn trả nợ. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện sau khi vay tiền ông Đ, bà L1 đã bỏ địa phương đi từ năm 2024 đến nay, không xác định được địa chỉ nơi cư trú hiện nay, việc ông Đ, bà L1 thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ mà không thông báo cho bà L biết về nơi cư trú mới thể hiện việc ông Đ, bà L1 cố tình giấu địa chỉ, ông Đ và bà L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Về tiền nợ gốc: căn cứ vào "Giấy tay mượn tiền" lập ngày 28/6/2022 giữa ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 với bà Nguyễn Thị L là hợp đồng vay có thật, trong giấy nợ có thể hiện nội dung *"...Tôi tên Lê Hồng Đ sinh năm 1978... vợ tên Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970..cùng ngụ tổ A, Tân tiến.Tân lập.Tân Biên.Tây Ninh. Hôm nay hai vợ chồng tôi có tự nguyện xuống nhà chị Nguyễn Thị L...nhờ chị giúp cho vợ chồng tôi mượn với số dốn là 90.00.000 triệu đồng chẵn ..."*. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông Đ, bà L1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Về tiền lãi: Trong nội dung giấy nợ thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng tương ứng với 12%/năm và thời hạn trả nợ là "18 tháng" tức đến ngày 28/12/2023. Do đó yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện (17/3/2025) là còn thời hiệu khởi kiện cho yêu cầu tính lãi.

Tiền lãi từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử 28/7/2025, vay gốc 40.000.000 đồng: 03 năm 01 tháng x 1 %/tháng x 40.000.000 đồng = 14.800.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 54.800.000 đồng.

Như vậy, cần buộc ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật 14.800.000 đồng, tổng cộng 54.800.000 đồng.

Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh là có căn cứ nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc bị đơn ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 54.800.000 (năm mươi bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 54.800.000 đồng x 5 % = 2.740.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 54.800.000 (năm mươi bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử (ngày 29/7/2025) bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ, bà L1 phải trả cho bà L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 2.740.000 (hai triệu, bảy trăm, bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 11- TN;
- THADS tỉnh TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Thị Kim Thu